**1A. KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II TOÁN – LỚP 6**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | | | | | | | | **Tổng % điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | PHÂN SỐ  (6 tiết) | ***Phân số. Tính chất cơ bản của phân số. So sánh phân số*** | 4 |  |  | 1 |  |  |  |  | 20%  2.0 |
| ***Các phép tính với phân số*** |  |  |  |  |  |  |  | 1 |
| **2** | SỐ THẬP PHÂN (15 tiết) | ***Số thập phân và các phép tính với số thập phân. Tỉ số và tỉ số phần trăm*** |  |  |  | 2 |  | 3 |  | 1 | 40%  4.0 |
| **3** | **Các hình hình học cơ bản**  (16 tiết) | ***Điểm, đường thẳng, tia*** | 4 |  |  |  |  |  |  |  | 30%  3 |
| ***Đoạn thẳng. Độ dài đoạn thẳng*** | 3 |  |  |  |  |  |  |  |
| ***Góc. Các góc đặc biệt. Số đo góc*** | 3 |  |  |  |  |  |  |  |
| **4** | **Một số yếu tố xác suất**  (5 tiết) | ***Làm quen với một số mô hình xác suất đơn giản. Làm quen với việc mô tả xác suất (thực nghiệm) của khả năng xảy ra nhiều lần của một sự kiện trong một số mô hình xác suất đơn giản*** | 1 |  |  |  |  |  |  |  | 10%  1.0 |
| ***Mô tả xác suất (thực nghiệm) của khả năng xảy ra nhiều lần của một sự kiện trong một số mô hình xác suất đơn giản*** | 1 |  |  |  |  | 1 |  |  |
| **Tổng: Số câu**  **Điểm** | | | 16  4.0 |  |  | 3  3.0 |  | 4  2.0 |  | 2  1.0 | 25  10.0 |
| **Tỉ lệ %** | | | 40% | | 30% | | 20% | | 10% | | 100% |
| **Tỉ lệ chung** | | | 70% | | | | 30% | | | | 100% |

**1B. BẢN ĐẶC TẢ MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II TOÁN – LỚP 6**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/Chủ đề** | | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **SỐ - ĐAI SỐ** | | | | | | | | |
| 1 | PHÂN SỐ | ***Phân số. Tính chất cơ bản của phân số. So sánh phân số*** | ***Nhận biết:***  – Nhận biết được phân số với tử số hoặc mẫu số là số nguyên âm. | **4TN** |  |  |  |
| – Nhận biết được khái niệm hai phân số bằng nhau và nhận biết được quy tắc bằng nhau của hai phân số. |
| – Nêu được hai tính chất cơ bản của phân số |
| – Nhận biết được số đối của một phân số. |
| – Nhận biết được hỗn số dương. |
| ***Thông hiểu:***  – So sánh được hai phân số cho trước. |  | 1TL  (TL1.1) |  |  |
| ***Các phép tính với phân số*** | ***Vận dụng:***  – Thực hiện được các phép tính cộng, trừ, nhân, chia với phân số. |  |  |  |  |
| – Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng, quy tắc dấu ngoặc với phân số trong tính toán (tính viết và tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí). |  |  |  |  |
| – Tính được giá trị phân số của một số cho trước và tính được một số biết giá trị phân số của số đó. |  |  |  |  |
| – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn ***(đơn giản, quen thuộc)*** gắn với các phép tính về phân số (ví dụ: các bài toán liên quan đến chuyển động trong Vật lí,...). |  |  |  |  |
| ***Vận dụng cao:***  – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn ***(phức hợp, không quen thuộc)*** gắn với các phép tính về phân số. |  |  |  | 1TL  (TL4) |
| 2 | SỐ THẬP PHÂN | ***Số thập phân và các phép tính với số thập phân. Tỉ số và tỉ số phần trăm*** | ***Nhận biết:***  – Nhận biết được số thập phân âm, số đối của một số thập phân. |  |  |  |  |
| ***Thông hiểu:***  – So sánh được hai số thập phân cho trước. |  | 2TL  (TL1.2) |  |  |
| ***Vận dụng:***  – Thực hiện được các phép tính cộng, trừ, nhân, chia với số thập phân. |  |  | 3TL  (TL2) |  |
| – Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng, quy tắc dấu ngoặc với số thập phân trong tính toán (tính viết và tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí). |
| – Thực hiện được ước lượng và làm tròn số thập phân. |
| – Tính được giá trị phần trăm của một số cho trước, tính được một số biết giá trị phần trăm của số đó. |
| – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn ***(đơn giản, quen thuộc)*** gắn với các phép tính về số thập phân, tỉ số và tỉ số phần trăm (ví dụ: các bài toán liên quan đến lãi suất tín dụng, liên quan đến thành phần các chất trong Hoá học,...). |
| – Tính được tỉ số và tỉ số phần trăm của hai đại lượng. |
| ***Vận dụng cao:***  – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn ***(phức hợp, không quen thuộc)*** gắn với các phép tính về số thập phân, tỉ số và tỉ số phần trăm. |  |  |  | 1TL  (TL5) |
| **CÁC HÌNH HÌNH HỌC CƠ BẢN** | | | | | | | | |
| 3 | **Các hình hình học cơ bản** | ***Điểm, đường thẳng, tia*** | ***Nhận biết:***  – Nhận biết được những quan hệ cơ bản giữa điểm, đường thẳng: điểm thuộc đường thẳng, điểm không thuộc đường thẳng; tiên đề về đường thẳng đi qua hai điểm phân biệt. | 4TN |  |  |  |
| – Nhận biết được khái niệm hai đường thẳng cắt nhau, song song. |
| – Nhận biết được khái niệm ba điểm thẳng hàng, ba điểm không thẳng hàng. |
| – Nhận biết được khái niệm điểm nằm giữa hai điểm. |
| – Nhận biết được khái niệm tia. |
| ***Đoạn thẳng. Độ dài đoạn thẳng*** | ***Nhận biết:***  –Nhận biết được khái niệm đoạn thẳng, trung điểm của đoạn thẳng, độ dài đoạn thẳng. | 3TN |  |  |  |
| ***Góc. Các góc đặc biệt. Số đo góc*** | ***Nhận biết:***  – Nhận biết được khái niệm góc, điểm trong của góc (không đề cập đến góc lõm). | 3TN |  |  |  |
| – Nhận biết được các góc đặc biệt (góc vuông, góc nhọn, góc tù, góc bẹt). |
| – Nhận biết được khái niệm số đo góc. |
| **MỘT SỐ YẾU TỐ XÁC SUẤT** | | | | | | | | |
| 5 | **Một số yếu tố xác suất** | ***Làm quen với một số mô hình xác suất đơn giản. Làm quen với việc mô tả xác suất (thực nghiệm) của khả năng xảy ra nhiều lần của một sự kiện trong một số mô hình xác suất đơn giản*** | ***Nhận biết:***  –Làm quen với mô hình xác suấttrong một số trò chơi, thí nghiệm đơn giản (ví dụ: ở trò chơi tung đồng xu thì mô hình xác suất gồm hai khả năng ứng với mặt xuất hiện của đồng xu, ...). | 2TN |  |  |  |
| ***Mô tả xác suất (thực nghiệm) của khả năng xảy ra nhiều lần của một sự kiện trong một số mô hình xác suất đơn giản*** | ***Thông hiểu:***  – Làm quen với việc mô tả xác suất (thực nghiệm) của khả năng xảy ra nhiều lần của một sự kiện trong một số mô hình xác suất đơn giản. |  |  |  |  |
| ***Vận dụng:***  – Sử dụng được phân số để mô tả xác suất (thực nghiệm) của khả năng xảy ra nhiều lần thông qua kiểm đếm số lần lặp lại của khả năng đó trong một số mô hình xác suất đơn giản. |  |  | 1TL  (TL3) |  |

**ĐỀ 1**

A.ĐỀ TRẮC NGHIỆM

**Câu 1.** Cách viết nào sau đây biểu diễn cho cách viết phân số?

A.  . B. . C. . D. .

**Câu 2.** Phân số nào sau đây bằng bằng phân số  ?

A. . B.  . C .  . D. .

**Câu 3.** Số đối của số  là

A.  . B.  . C. . D.  .

**Câu 4.** Cặp phân số nào sau đây bằng nhau :

A.  và  B.  và  . C.  và  D.  và 

**Câu 5.** Xem hình vẽ và chọn phát biểu đúngtrong các phát biểu sau



A. Điểm B nằm giữa hai điểm A và C.

B. Điểm nằm giữa hai điểm B và C.

C. Hai điểm A và B nằm khác phía đối với điểm C.

D. Hai điểm A và C nằm cùng phía đối với điểm B

**Câu 6.** Cho hình vẽ sau

|  |
| --- |
|  |

*Hãy chọn câu trả lời đúng*

A. . B. . C.. D.

**Câu 7.** Cho ba điểm thẳng hàng với  nằm giữa  và . Chọn hình vẽ đúng.

**Xem thêm tại Website VnTeach.Com**

**https://www.vnteach.com**

A.



B.



C.



D.



**Câu 8.** Kể tên tất cả các tia trong hình vẽ sau

|  |
| --- |
|  |

A.. B. .

C. . D. .

**Câu 9.**  Cho hình vẽ. Hỏi có tất cả bao nhiêu đoạn thẳng ?



1. 2. B. 3. C. 4. D. 5.

**Câu 10.** Cho điểm B nằm giữa 2 điểm A và C. Khi đó:



A.. B..

C.. D.

**Câu 11.**  là trung điểm của đoạn thẳng  nếu

A. 

B. Điểm I nằm giữa 2 điểm A và B

C. IA = IB và điểm I nằm giữa 2 điểm A và B .

D. .

**Câu 12.** Quan sát hình vẽ sau và chọn phát biểu đúngtrong các phát biểu sau



A. Góc  có đỉnh , hai cạnh là hai tia ; .

B. Góc  có đỉnh , hai cạnh là hai tia ; .

C. Góc  có đỉnh , hai cạnh là hai tia ; .

D. Góc  có đỉnh , hai cạnh là hai tia ; .

**Câu 13.** Khẳng định nào sau đây là đúng

A. Góc nhọn là góc có số đo bằng  .

B. Góc nhọn là góc có số đo lớn hơn  nhỏ hơn .

C. Góc nhọn là góc có số đo lớn hơn nhỏ hơn .

D. Góc nhọn là góc có số đo bằng 

**Câu 14.** Số đo của góc ở hình vẽ dưới đây là



A. . B. . C. . D. .

**Câu 15.** Môn thể thao yêu thích nhất trong hè của tổ 1 lớp 6A THCS được ghi lại trong bảng như sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Bóng đá | Bóng chuyền | Cầu lông | Bơi | Nhảy dây | Bơi | Bóng đá | Nhảy dây | Bóng chuyền | Cầu lông |

Có bao nhiêu môn thể thao học sinh yêu thích?

A. 10 B. 6 C. 9 D. 5

**Câu 16.** Một sự kiện xảy ra thì có khả năng xảy ra bằng

A. 0                          B. 0,5                           C. 1                             D. 0,9

**B. PHẦN TỰ LUẬN:** (6 điểm)

**Câu 1 .(3.0 đ)**

1. So sánh hai phân số sau:  và 
2. So sánh các số thập phân sau:

a) 12,099 và 12,101 b)-5,345 và -5,325

**Câu 2**.( **1.5 đ)** Tính hợp lí:

a)  b)  a) 

**Câu 3.** **(0.5đ )**Dũng gieo một con xúc sắc 100 lần và ghi lại số chấm xuất hiện ở mỗi lần gieo được kết quả như sau:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Số chấm xuất hiện | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
| Số lần | 30 | 10 | 15 | 20 | 10 | 15 |

Tính xác suất thực nghiệm của sự kiện “Số chấm xuất hiện là số chẵn”.

**Câu 4:** **(0.5đ)** Hai vòi nước cùng chảy vào một cái bể không có nước. Trong 1 giờ, vòi thứ nhất chảy vào được  bể, vời thứ hai chảy vào được  bể. Hỏi nếu mở hai vòi cùng một lúc thì sau bao lâu sẽ đầy bể?

**Câu 5. (0.5đ )**

Giá điện tháng 9 thấp hơn giá điện tháng 8 là 10%, giá điện tháng 10 cao hơn giá điện tháng 9 là 10%. Hỏi giá điện tháng 10 so với tháng 8 cao hơn hay thấp hơn bao nhiêu phần trăm?